

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình
Ông Nguyễn Ngọc Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Ông Trần Dương Công – C/v Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Bùi Thị Th, sinh năm 1985 tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn D, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Thôn D, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn T – SN: 1942 và bà Quách Thị T1 - SN: 1947; Bị cáo có chồng Phạm Văn H – SN: 1981, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005 con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị áp biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/10/2022 theo lệnh số: 99/LC-ĐTTH ngày 22/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp (Bị cáo có mặt).

- Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn B – SN: 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn B quen biết nhau. Vào ngày 11/10/2021, anh B gọi điện thoại cho Th để đặt vấn đề làm thủ tục pháp lý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, diện tích 258m² đất trồng cây lâu năm thành đất ở. Mặc dù không quen biết ai và bản thân không làm được thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng Th vẫn nói dối với anh B là có quen một số người có khả năng làm được thủ tục, Th còn giới thiệu với anh B có quen biết với nhiều cán bộ làm trong cơ quan Nhà nước tại huyện E (mục đích đưa ra thông tin gian dối như vậy để tạo niềm tin với anh B). Sự việc hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng và thông qua hình thức mạng xã hội Zalo. Khi đã xây dựng được niềm tin từ anh B thì Th tự nghĩ ra số tiền thuê chuyển đổi mục đích sử dụng đất với giá 53.000.000 đồng (bản thân Th chưa lần nào làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất). Sau khi Th thông báo số tiền chuyển đổi hết 53.000.000 đồng thì anh B đồng ý và chuyển khoản cho Th số tiền 60.000.000 đồng qua số tài khoản 5212205234366, ngân hàng Agribank, chi nhánh E, chủ tài khoản mang tên Bùi Thị Th. Trong đó 7.000.000 đồng là anh B tự nguyện chuyển thêm để bồi dưỡng cho Th. Tuy nhiên, khi nhận được tiền, Th không thực hiện mà sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại cho anh B.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã thu giữ: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt cảm ứng và lưng điện thoại không có nhãn hiệu, có 02 mắt Camera, mắt Camera thứ 2 từ trên xuống bị nứt vỡ.

01 Thẻ nhớ màu đen, có ghi chữ 2GB một mặt có dán tem có chữ số 22 màu đỏ tem có in chữ MD 24.

Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố bị cáo Bùi Thị Th về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra.

Trong quá trình tố tụng người bị hại anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và Th quen biết nhau do có nhu cầu làm chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thì được Th nói quen người làm trong Cơ quan Nhà nước có thể làm chuyển đổi, do tin tưởng, khi Th nói chi phí chuyển đổi hết 53.000.000 đồng nên anh đã chuyển cho Th 60.000.000 đồng, trong đó 53.000.000 đồng làm thủ tục chuyển đổi còn 7.000.000 đồng anh bồi dưỡng cho Th tuy nhiên Th không làm được, cũng không quen ai trong Cơ quan Nhà nước do đó anh đòi lại số tiền nhưng Th không trả. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết, về hình phạt anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, về dân sự anh yêu cầu bị cáo Bùi Thị Th trả lại số tiền 60.000.000 đồng đã nhận và 20.000.000 đồng tiền chi phí anh đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tại phiên tòa đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Thị Th như nội dung bản cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Bùi Thị Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Th từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại cảm ứng màu đen không có nhãn mác, có 02 mắt Camera, mắt thứ 02 từ trên xuống bị nứt vỡ.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại tổng số tiền 80.000.000 đồng, trong đó 60.000.000 đồng anh B chuyển khoản cho bị cáo và 20.000.000 đồng anh B chi phí đi lại.

Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì thêm, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại cũng như người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Xét việc vắng mặt của người bị hại anh Nguyễn Văn B tại phiên tòa anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung, hành vi: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình vào ngày 11/10/2021, tại thôn D, xã I, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo không quen biết ai trong Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bản thân bị cáo cũng không làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng Th vẫn đưa ra thông tin gian dối là làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất để anh Nguyễn Văn B tin tưởng chuyển cho Th số tiền 60.000.000 đồng, trong đó tiền để Th làm thủ tục chuyển đổi là 53.000.000 đồng, tiền anh B bồi dưỡng công đi làm cho Th 7.000.000 đồng, từ đó

Th đã chiếm đoạt của anh B số tiền 53.000.000 đồng dùng vào việc tiêu xài cá nhân, không có khả năng trả lại cho anh B.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp về tội danh truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với pháp luật, tuy nhiên về phần hình phạt Viện kiểm sát đề nghị chưa tương xứng với hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử cần xem xét.

[4] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Thị Th đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nó không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất niềm tin của nhân dân vào Cơ quan Nhà nước do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cũng thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[8] Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: 01 Điện thoại cảm ứng màu đen không có nhãn mác, điện thoại có 02 mắt Camera, mắt thứ 02 từ trên xuống bị nứt vỡ đây là vật chứng bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

01 Thẻ nhớ màu đen, có ghi chữ 2GB một mặt có dán tem có chữ số 22 màu đỏ tem có in chữ MD 24 được đánh số bút lục lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 80.000.000 đồng, trong đó tiền bị cáo chiếm đoạt 53.000.000 đồng, tiền anh B bồi dưỡng cho bị cáo 7.000.000 đồng, tiền chi phí anh B đi lại 20.000.000 đồng. Tại phiên Tòa bị cáo tự nguyện đồng ý trả toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng theo yêu cầu của anh B. Xét yêu cầu của bị hại, bị cáo tự nguyện đồng ý trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Xét thấy bị cáo Bùi Thị Th là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Th 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại cảm ứng màu đen không có nhãn mác, có 02 mắt Camera, mắt thứ 02 từ trên xuống bị nứt vỡ.

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Ea Súp và Chi cục thi hành án dân sự huyện E ngày 13/03/2023.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 Thẻ nhớ màu đen, có ghi chữ 2GB một mặt có dán tem có chữ số 22 màu đỏ tem có in chữ MD 24 được đánh số bút lục, vật chứng có đặc điểm như biên bản niêm phong của Công an huyện Ea Súp ngày 19 tháng 08 năm 2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc bị cáo tự nguyện trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của người bị hại nên bị cáo có trách nhiệm trả cho bị hại anh Nguyễn Văn B tổng số tiền 80.000.000 đồng, trong đó tiền bị cáo chiếm đoạt là 53.000.000 đồng, tiền anh B tự nguyện gửi bồi dưỡng công đi làm cho bị cáo 7.000.000 đồng, tiền chi phí anh B đi lại 20.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất do chậm thi hành án.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Thị Th.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- THA huyện E;
- UBND xã I;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính